TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ P** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

2. Bà Trần Thị Lệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Văn Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 95/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ M, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: ấp H1, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Phan Xuân T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ M, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà O có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoàng O và ông Phan Xuân T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới được hai bên gia đình đồng ý và tự nguyện đăng ký kết hôn được ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2010 ngày 18-5-2020.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân vợ chồng không còn tiếng nói chung, bất đồng trong mọi vấn đề dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau,

không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt hoàn toàn. Vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân bà O cũng đã suy nghĩ để xem lại tình cảm vợ chồng nhưng nay bà thấy vợ chồng ông bà không thể hàn gắn, bà O không còn tình cảm với ông T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, bà O yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà O và ông T 01 con chung là cháu Phan Thị Xuân M, sinh ngày 09-10-2010. Hiện cháu M đang sống với bà O. Sau khi ly hôn, bà O có nguyện vọng được nuôi cháu M đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 11-8-2020 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, bà O yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi). Tại phiên tòa bà O thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn ông Phan Xuân T trình bày:

Ông Phan Xuân T đồng ý với trình bày của bà Lê Thị Hoàng O về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Vợ chồng ông T đăng ký kết hôn năm 2010. Trong cuộc sống vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ông bà thiếu sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên dẫn đến bà O nghĩ ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo kinh tế gia đình. Một phần do công việc nặng nhọc và chiếm nhiều thời gian nên ông T không có nhiều thời gian dành cho gia đình. Từ đó ông nhận thấy tình cảm của bà O dành cho ông phai nhạt dần. Bà O và con dọn ra ở riêng, vợ chồng ông bà ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Hiện ông T vẫn còn tình cảm với bà O nhưng nếu bà O kiên quyết ly hôn thì ông T vẫn tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của bà O. Ông T đồng ý ly hôn với bà O.

Về con chung: Bà O và ông T 01 con chung là cháu Phan Thị Xuân M, sinh ngày 09-10-2010. Sau khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng. Trường hợp khi cần thiết ông sẽ cấp dưỡng thêm khi có điều kiện.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng O không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, bà O yêu cầu được ly hôn với ông T, giao con chung cho bà O nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O, giao con chung cho bà O nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà O thay đổi ý kiến, không

yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng. Về tài sản và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, bà O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Phan Xuân T, địa chỉ: Tổ M, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Phan Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà O yêu cầu ly hôn với ông T. Sau khi ly hôn bà O yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoàng O và ông Phan Xuân T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2010 ngày 18-5-2010, hôn nhân giữa bà O và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông T và bà O đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng thiếu sự chia sẻ, không có tiếng nói chung, bà O nghi ngờ ông T có người phụ nữ khác không chăm lo kinh tế gia đình. Từ đó vợ chồng xảy ra bất hòa, tình cảm rạn nứt. Bà O và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà O yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã P đã triệu tập ông T đến làm việc và hòa giải nhưng ông T không đến mà chỉ có trình bày tại biên bản lấy lời khai là không muốn ly hôn nhưng nếu bà O cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O, chứng tỏ ông T không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng ông T và bà O đã sống ly thân từ năm 2019, đến nay bà O không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O với ông T.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Hoàng O và ông Phan Xuân T đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Thị Xuân M, sinh ngày 09-10-2010.

Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay My đang sống với bà O, sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường. Xét nguyện vọng của cháu Phan Thị Xuân M muốn được sống với bà O. Cháu M là con gái, để ổn định cuộc sống, tâm lý phát triển của cháu cũng như đảm bảo quyền lợi cho cháu, giao cháu Phan Thị Xuân M cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại đơn khởi kiện ngày 11-8-2020, bà O yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi). Tại phiên tòa, bà O thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà O và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O về việc yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Phan Xuân T.

[7] Về án phí sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà O phải chịu 300.000 đồng nhưng đã tạm ứng nên được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Phan Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoàng O được ly hôn với ông Phan Xuân T.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Hoàng O và ông Phan Xuân T có 01 con chung là cháu Phan Thị Xuân M, sinh ngày 09-10-2010.

Giao cho bà Lê Thị Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Xuân M. Ông Phan Xuân T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Phan Xuân T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Phan Xuân T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Hoàng O và ông Phan Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Hoàng O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005951 ngày 12-10-2020 của Chi cục Thị hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà O đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-01-2021) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự văng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. P, tỉnh BR-VT;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (giấy CNKH số 64, quyển số 01/2010 ngày 18-5-2010);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Tình

CÁC HỘI THẨM NHÂN NHÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA